

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-6-2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Chớ;
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Đại L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23-3-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Đại L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn C1 chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn vào ngày 27-11-2002 tại Ủy ban Nhân dân xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân bà xin ly hôn với ông C1 là do trong quá trình chung sống, ông C1 thường xuyên uống rượu, đánh bài về nhà kiếm chuyện chửi bới, đánh bà nhiều lần. Bà và chính quyền địa phương đã khuyên can nhiều lần nhưng ông C1 không sửa đổi nên bà đã bỏ nhà đi 02 lần, lần thứ nhất vào năm 2008 bỏ đi 01 tháng, lần

thứ hai từ tháng 3-2020 và vợ, chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông C1.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 09-02-1995 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 29-8-1997. Nay các cháu N1 và D đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn C1 trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Đại L về thời gian chung sống vợ, chồng, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống, ông thừa nhận có uống rượu, đánh bài và bà L có bỏ nhà đi như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông chỉ đánh bà L 01 lần và đã nhiều năm trước. Còn thời gian gần đây thì thỉnh thoảng ông có uống rượu nhưng không thường xuyên. Nay ông vẫn còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Có 02 cháu như bà L trình bày. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L ly hôn ông thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì các cháu N1 và D đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Đại L đối với ông Nguyễn Văn C1; về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 09-02-1995 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 29-8-1997 đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà L và ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Đại L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông C1.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Đại L và ông Nguyễn Văn C1 chung sống với nhau từ năm 1994 và đăng ký kết hôn ngày 27-11-2002 tại Ủy ban Nhân dân xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, trong thời gian dài chung sống, giữa bà L và ông C1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C1 uống rượu, đánh bài dẫn đến vợ, chồng cự cãi, gây gổ, đánh nhau và hiện nay vợ, chồng đang sống ly thân. Xét tình cảm vợ, chồng giữa bà L và ông C1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông C1, cho bà L được ly hôn với ông C1.

[3] Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 09-02-1995 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 29-8-1997 đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà L và ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56 của của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Đại L đối với ông Nguyễn Văn C1. Bà Trần Đại L được ly hôn với ông Nguyễn Văn C1.

2. Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 09-02-1995 và Nguyễn Minh D, sinh ngày 29-8-1997 đều đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà Trần Đại L và ông Nguyễn Văn C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Đại L và ông Nguyễn Văn C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Đại L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000520, ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Đức Dũng**